

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 9 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời ngày xét xử số: 18/TB-TA ngày 26 tháng 7 năm 2021; Thông báo thời gian mở phiên tòa số: 10/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2021; Quyết hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST ngày 16 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Bị đơn: Chị Huỳnh Cẩm T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc K trình bày: Anh Nguyễn Quốc K và chị Huỳnh Cẩm T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết

hôn ngày 25/7/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 02 năm nay thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, chị T chi tiêu tiền bạc không rõ ràng, nhiều lần mượn nợ người khác anh K phải đứng ra trả nợ, chị T có thái độ không đúng đắn với cha mẹ chồng gây ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, vợ chồng cự cãi nên anh K về sống chung với cha mẹ ruột từ tháng 01/2021 cho đến nay. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên anh K kiên quyết xin ly hôn với chị Huỳnh Cẩm T. Anh K và chị T có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 15/8/2005 và Nguyễn Khả A, sinh ngày 30/3/2014, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu T đang sống cùng anh K, cháu A đang sống cùng chị T; anh K và chị T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, anh K không trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Cẩm T trình bày: Chị Huỳnh Cẩm T và anh Nguyễn Quốc K tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn như anh K trình bày là đúng sự thật. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng cũng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cãi vã và anh K về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 01/2021 đến nay. Từ lúc xảy ra mâu thuẫn đến nay thì chị T cũng cố gắng hàn gắn để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng anh K không đồng ý, hiện nay chị T cũng không còn biện pháp, cách thức nào để hàn gắn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng có thể giải quyết được không đến mức phải ly hôn nên chị T không đồng ý ly hôn với anh K. Chị T và anh K chung sống có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 15/8/2005 và Nguyễn Khả A, sinh ngày 30/3/2014, nếu tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K thì chị T cũng đồng ý giao con chung là cháu T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; chị T và anh K không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị T không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc K. Cho anh Nguyễn Quốc K ly hôn chị Huỳnh

Cẩm T. Giao con chung là Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 15/8/2005 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Khả A, sinh ngày 30/3/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn anh Nguyễn Quốc K và bị đơn chị Huỳnh Cẩm T. Bị đơn chị T đang cư trú tại Khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Huỳnh Cẩm T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị T theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Quốc K và chị Huỳnh Cẩm T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 25/7/2009 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh K và chị T đều xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 01/2021 đến nay. Mặc dù, anh K và chị T trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là khác nhau. Tuy nhiên, trên thực tế đời sống vợ chồng giữa anh K và chị T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên không có tiếng chung và không còn chung sống từ tháng 01/2021 đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng anh K và chị T chung sống có mâu thuẫn, do nhiều nguyên nhân. Anh K yêu cầu xin ly hôn thì chị T không ý ly hôn, vì chị T cho rằng mâu thuẫn không đến mức phải ly hôn, nhưng chị T không có biện pháp gì để hàn gắn vợ chồng tiếp tục chung sống và anh K cũng không đồng ý tiếp tục chung sống với chị T, trên thực tế vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 01/2021. Ngoài ra, theo Biên bản xác minh ngày 12/7/2021, chính quyền địa phương xác định anh K và chị T chung sống có mâu thuẫn và đã không còn chung sống từ tháng 01/2021 đến nay là phù hợp với lời khai của các đương sự. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, nhưng anh K không còn muốn tiếp tục chung sống với chị T, tình trạng hôn nhân của anh K và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh Nguyễn Quốc K được ly hôn với chị Huỳnh Cẩm T là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Quốc K và chị Huỳnh Cẩm T thống nhất xác định có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 15/8/2005 và Nguyễn Khả A, sinh ngày 30/3/2014. Anh K và chị T thống nhất thỏa thuận giao cháu T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, cháu T đang sống cùng anh K, cháu A đang sống cùng chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, anh K và chị T có sự thỏa thuận thống nhất về việc nuôi con, cấp dưỡng và để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt cho con chung, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung là Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 15/8/2005 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung là Nguyễn Khả A, sinh ngày 30/3/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh K và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Quốc K và chị Huỳnh Cẩm T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc K đối với chị Huỳnh Cẩm T. Cho anh Nguyễn Quốc K được ly hôn chị Huỳnh Cẩm T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 15/8/2005 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung là Nguyễn Khả A, sinh ngày 30/3/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh K và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc K và chị Huỳnh Cẩm T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Quốc K và chị Huỳnh Cẩm T xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quốc K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng, anh K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0002420 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí, anh K còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ca Kiều Nguyệt